

Số: 08 /2019/QĐ-UBND

Long An, ngày 12 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực
thi hành trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 71/TTr-STNMT ngày 28/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/02/2019 và thay thế Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường- b/c;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- UB.MTTQ tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- TT.công báo, Website Long An;
- Ban NCTCD;
- Lưu: VT, STNMT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH**Trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết
tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:08/2019/QĐ-UBND
ngày 12/02/2019 của UBND tỉnh Long An).*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chi tiết về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn tỉnh Long An khi các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người bị cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành.
2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người bị cưỡng chế* là các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và phải chấp hành quyết định cưỡng chế.
2. *Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành* trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 90a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 58 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

Điều 4. Nguyên tắc và điều kiện cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

1. Nguyên tắc cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định

tại khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

2. Điều kiện cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

Điều 5. Thẩm quyền ban hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế

Thẩm quyền ban hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được bổ sung tại khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

Điều 6. Thời gian thực hiện thủ tục cưỡng chế

Thời gian thực hiện thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành do người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế quy định và được ghi rõ trong quyết định cưỡng chế nhưng không quá 30 ngày.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CƯỠNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Điều 7. Ban hành quyết định cưỡng chế

1. Khi quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp vận động, thuyết phục mà không chấp hành quyết định thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ban hành quyết định cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ban hành quyết định cưỡng chế.

Quyết định cưỡng chế gồm các nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; thông tin của người bị cưỡng chế (họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú và số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân đối với cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính và số, ngày cấp, nơi cấp quyết định thành lập/giấy phép đăng ký kinh doanh đối với tổ chức); lý do cưỡng chế; diện tích, loại đất, vị trí thửa đất cần thực hiện cưỡng chế; nội dung, biện pháp cưỡng chế phải thực hiện; thời gian và địa điểm thực hiện cưỡng chế; cơ quan, đơn vị được giao tham mưu ban hành quyết định thành lập Ban thực

hiện cưỡng chế; cơ quan có trách nhiệm phối hợp tham gia; chữ ký và họ tên của người ban hành quyết định, dấu của cơ quan ban hành quyết định.

Điều 8. Giao và niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ra quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp và các tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp có trách nhiệm tổ chức giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế. Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản có người chứng kiến ký tên vào biên bản; trường hợp này được coi là quyết định đã được giao.

3. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp trong thời gian 05 ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết công khai. Việc mở niêm yết và kết thúc niêm yết quyết định cưỡng chế phải được lập thành biên bản, có xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Trưởng khu dân cư (ấp, khu phố) nơi thực hiện việc niêm yết.

Điều 9. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

1. Căn cứ quyết định cưỡng chế, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được bổ sung tại khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

Điều 10. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch, phương án cưỡng chế

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, sau khi tiến hành thu thập thông tin, khảo sát địa điểm tiến hành cưỡng chế, Trưởng ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch cưỡng chế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế phải gồm các nội dung cơ bản sau: đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế, lực lượng tham gia cưỡng chế, xác định tài sản bảo quản được, tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng, phương án cưỡng chế, dự trù mức chi phí cưỡng chế. Trên cơ sở kế hoạch cưỡng

chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế làm thủ tục tạm ứng kinh phí cho hoạt động cưỡng chế.

3. Phương án cưỡng chế phải nêu rõ các bước tiến hành cưỡng chế, công tác bố trí lực lượng, sử dụng phương tiện và công cụ để tiến hành cưỡng chế, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi trực tiếp thực hiện, tham gia và phối hợp thực hiện việc cưỡng chế; dự kiến các tình huống phức tạp có thể xảy ra khi tiến hành cưỡng chế và phương án ứng phó, xử lý.

Điều 11. Phổ biến kế hoạch và phương án cưỡng chế

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Trưởng ban thực hiện cưỡng chế tổ chức họp Ban thực hiện cưỡng chế và mời thêm các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp cưỡng chế cùng dự họp để phổ biến, quán triệt kế hoạch, phương án cưỡng chế; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban thực hiện cưỡng chế, thành phần, lực lượng trực tiếp tham gia phối hợp cưỡng chế; thống nhất phương pháp, cách thức tiến hành cưỡng chế.

2. Thành viên Ban thực hiện cưỡng chế xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được phân công và báo cáo với Trưởng ban thực hiện cưỡng chế.

Điều 12. Vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế

Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng khu dân cư (ấp, khu phố) nơi có đất tranh chấp vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc chấp hành; việc thực hiện các nội dung trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai sau khi đã được vận động, thuyết phục, đối thoại thì Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức thực hiện cưỡng chế và buộc người bị cưỡng chế thực hiện các nội dung của quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 13. Tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế với sự tham gia chứng kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Trưởng khu dân cư (ấp, khu phố) nơi có đất tranh chấp.

Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu người bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành, việc thực hiện các nội dung trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

Khi bắt đầu việc cưỡng chế, Trưởng ban thực hiện cưỡng chế công bố công khai nội dung quyết định cưỡng chế; biện pháp cưỡng chế; thời hạn thực hiện việc cưỡng chế; nêu rõ quyền, nghĩa vụ của người bị cưỡng chế, người thực hiện

cưỡng chế theo quy định của pháp luật và phát lệnh cưỡng chế. Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản quy định tại Điều 15 Quy định này.

Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc cưỡng chế vẫn tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản và nêu rõ lý do.

2. Ban thực hiện cưỡng chế có quyền yêu cầu người bị cưỡng chế và những người không có nhiệm vụ phải ra khỏi khu đất cưỡng chế, đồng thời tự tháo dỡ nhà, công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất; di chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế; trường hợp người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm yêu cầu lực lượng cưỡng chế tháo dỡ nhà, công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất; di chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế; áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đưa người có hành vi cản trở, chống đối ra khỏi khu vực đất thực hiện quyết định cưỡng chế.

3. Ban thực hiện cưỡng chế xác định ranh giới, mốc giới trên thực địa theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp.

Điều 14. Xử lý tài sản khi thực hiện cưỡng chế

Trường hợp trên đất có tài sản mà chủ sở hữu tài sản không tự nguyện chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế thì xử lý như sau:

1. Đối với tài sản bảo quản được thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế; người bị cưỡng chế, người chứng kiến là đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Trưởng khu dân cư (ấp, khu phố) nơi có đất tranh chấp; trường hợp người bị cưỡng chế không ký phải nêu rõ lý do; tổ chức, cá nhân được giao trông giữ, bảo quản; số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản trước khi niêm phong, vận chuyển, giao cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản hoặc bàn giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trông giữ, bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật và thông báo địa điểm, thời gian để chủ sở hữu tài sản nhận lại tài sản. Chủ sở hữu tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

Quá thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà chủ sở hữu tài sản không đến nhận (trừ trường hợp có lý do chính đáng) thì Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương được bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại ngân hàng và thông báo cho chủ sở hữu tài sản biết để nhận khoản tiền đó. Đối với tài sản hư hỏng và không còn giá trị sử dụng thì tổ chức tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng thì Ban thực hiện cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế; nếu chủ sở hữu tài sản từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính hoặc tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập có chức năng về việc thanh lý tài sản tiến hành kiểm kê, tổ chức bán ngay các loại tài sản này.

Việc kiểm kê và bán tài sản phải lập thành biên bản gồm các nội dung: thành phần tham gia kiểm kê bán tài sản; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người chứng kiến, tên và địa chỉ đơn vị thu mua tài sản, chủ sở hữu tài sản, tổng số lượng bán được; biên bản phải có chữ ký của thành phần bán tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có), đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người chứng kiến đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Trưởng khu dân cư (ấp, khu phố) nơi có đất tranh chấp, người mua tài sản. Số tiền thu được, sau khi trừ các khoản chi phí xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại ngân hàng và thông báo cho chủ sở hữu tài sản biết để nhận khoản tiền đó.

Điều 15. Biên bản thi hành quyết định cưỡng chế

1. Việc thi hành quyết định cưỡng chế phải được lập thành biên bản, trong biên bản phải ghi rõ: thời gian, địa điểm cưỡng chế; thành phần Ban thực hiện cưỡng chế; người bị cưỡng chế; người chứng kiến là đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Trưởng khu dân cư (ấp, khu phố) nơi có đất tranh chấp; toàn bộ diễn biến trong quá trình cưỡng chế; các biện pháp thi hành cưỡng chế; kết quả thi hành cưỡng chế; các tình huống phát sinh (nếu có).

2. Biên bản thi hành quyết định cưỡng chế phải được lập thành 03 bản, được Trưởng ban thực hiện cưỡng chế, người bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên xác nhận. Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký tên vào biên bản thì người lập biên bản phải ghi nhận và nêu rõ lý do vào biên bản. Biên bản thi hành quyết định cưỡng chế lập xong phải giao cho người bị cưỡng chế 01 bản, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp 01 bản và lưu hồ sơ thi hành quyết định cưỡng chế 01 bản.

Chương III

KINH PHÍ TỔ CHỨC CƯỖNG CHẾ

Điều 16. Xác định chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

a) Chi phí huy động lực lượng thực hiện quyết định cưỡng chế;

b) Chi phí triển khai và bảo vệ cưỡng chế: chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế (người ban hành quyết định cưỡng chế; cán bộ, công chức thi hành quyết định cưỡng chế; cảnh sát bảo vệ; dân quân bảo vệ; nhân viên y tế; đại diện chính quyền địa phương; đại diện tổ chức chính trị - xã hội); chi phí mua nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, thiết bị y tế cần thiết phục vụ thi hành quyết định cưỡng chế.

c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;

d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản tạm giữ;

đ) Chi phí phòng, chống cháy, nổ (nếu có): thuê phương tiện cứu hỏa, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thuê rà, phá bom, mìn; thuê các phương tiện, thiết bị phòng chống cháy, nổ cần thiết khác.

e) Chi phí phục vụ xử lý tài sản sau khi thực hiện quyết định cưỡng chế, gồm: chi phí thù lao cho các chuyên gia định giá tài sản; chi phí tổ chức tiêu hủy tài sản.

g) Chi phí thực tế khác (nếu có).

Mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia cưỡng chế được áp dụng sau khi có quy định cụ thể. Các khoản chi phí khác phải căn cứ theo mức chi thực tế, hợp lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo đề nghị của Ban thực hiện cưỡng chế.

Điều 17. Kinh phí thực hiện cưỡng chế, tạm ứng và thanh toán chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng, thanh toán từ ngân sách nhà nước.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành cho Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và thanh toán chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quyết định cưỡng chế

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất tranh chấp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế; giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; bảo đảm điều kiện, phương tiện cần thiết phục vụ cho việc cưỡng chế.

3. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm chủ trì lập kế hoạch, phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; tổ chức vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế trước khi tổ chức cưỡng chế; phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động lực lượng, phương tiện để thực hiện cưỡng chế theo kế hoạch và phương án cưỡng chế đã được phê duyệt; bàn giao đất cho người được công nhận quyền sử dụng đất (nếu có).

Ban thực hiện cưỡng chế phải gửi văn bản đề nghị đến cơ quan Công an nhân dân cấp huyện trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

4. Lực lượng Công an nhân dân cấp huyện có trách nhiệm triển khai lực lượng phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế; đảm bảo công tác cưỡng chế diễn ra được an toàn và trật tự; kịp thời ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền đối với

những hành vi cản trở, gây rối, chống người thi hành công vụ trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

Lực lượng Công an nhân dân cấp huyện căn cứ vào phương án cưỡng chế đã được phê duyệt để xây dựng kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc giao, gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế niêm phong, di chuyển tài sản của người bị cưỡng chế và của những người khác có liên quan; trông giữ, bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan thụ lý, tham mưu ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có trách nhiệm:

a) Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành để phục vụ cho công tác cưỡng chế khi có yêu cầu của Ban thực hiện cưỡng chế. Các hồ sơ, tài liệu phải được cơ quan cung cấp xác nhận và cung cấp cho Ban thực hiện cưỡng chế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

b) Cử cán bộ, công chức phối hợp tham gia khi có yêu cầu.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tích cực tham gia phối hợp đối thoại, vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; tham gia phối hợp triển khai, thực hiện quyết định cưỡng chế.

8. Người bị cưỡng chế có trách nhiệm chấp hành nghiêm quyết định cưỡng chế, yêu cầu của Ban thực hiện cưỡng chế, cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền và các quy định khác của pháp luật.

9. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện việc cưỡng chế khi có yêu cầu.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh, đề xuất hướng giải quyết thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**